

14

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN
KHOA GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG
VÀ NGHIỆP VỤ SỰ PHẠM

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần bằng tiếng Việt: Tâm lý học xã hội

Tên học phần bằng tiếng Anh: Social Psychology

Mã học phần: TG 01007

Loại môn học: Cơ bản

Số tín chỉ: 2.0 tín chỉ (2 tín chỉ, trong đó 1 tín chỉ lý thuyết; 0,75 tín chỉ thực hành; 0,25 tín chỉ tự học).

Số tiết học: 45 tiết (trong đó 15 tiết lý thuyết; 22,5 tiết thực hành; 7,5 tiết tự học).

Số tiết học cá nhân: 55 tiết

Loại học phần: Tự chọn

Nơi tiến hành môn học: Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Thời gian học: Học kỳ (1,2)

Môn học tiên quyết: Không

Các yêu cầu khác đối với học phần: Không

Bộ môn/Khoa phụ trách: Tâm lý học và Nghiệp vụ sự phạm/Giáo dục đại cương và Nghiệp vụ sự phạm.

Văn phòng khoa: Tầng 6, nhà A1, Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Người phụ trách: TS. Lý Thị Minh Hằng

Điện thoại, email: 0913378728; email: hanglyminh73@gmail.com

Các giảng viên tham gia giảng dạy

1. TS. Lý Thị Minh Hằng- 0913378728- email:hanglyminh73@gmail.com
2. ThS. Vũ Thuỳ Hương- 0909310778- email: vuthuyhuong.ajc@gmail.com

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu chung

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm vững các tri thức cơ bản của Tâm lý học nói chung và Tâm lý học xã hội nhằm phát hiện, lý giải và hình thành các tác động

đối với các hiện tượng tâm lý xã hội. Đồng thời củng cố niềm tin trong việc tổ chức có hiệu quả các hoạt động nghề nghiệp tương lai.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Kiến thức

+ Xác định được bản chất hiện tượng tâm lý; các quy luật, cơ chế hình thành, phát triển các hiện tượng tâm lý cá nhân và tâm lý xã hội.

+ Giải thích được những vấn đề cơ bản của giao tiếp xã hội, ảnh hưởng xã hội, định kiến xã hội, sự xâm kích.

- Kỹ năng

+ Nhận diện, phân tích, đánh giá các yếu tố tâm lý xã hội và sự ảnh hưởng của nó trong các hoạt động thực tiễn của đời sống xã hội.

+ Đánh giá được vai trò của các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình hình thành và phát triển nhân cách.

+ Có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tư duy hệ thống, kỹ năng phân tích- tổng hợp.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ Có ý thức trong việc xây dựng các mối quan hệ xã hội tốt đẹp; Có mong muốn áp dụng những tri thức tâm lý trong hoạt động thực tiễn nghề nghiệp tương lai.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

| STT | Chuẩn đầu ra học phần (CLOs) | Phương pháp dạy - học | Hình thức KTĐG |
|------|---|--|----------------------|
| CLO1 | Giải thích được bản chất của hiện tượng tâm lý và các cơ chế, quy luật hình thành và phát triển của hiện tượng tâm lý cá nhân và tâm lý xã hội. | Thuyết trình, hỏi- đáp, Làm việc nhóm, Dạy học bằng tình huống | Tự luận, bài tập lớn |
| CLO2 | Nhận diện, phân tích, đánh giá được các yếu tố tâm lý xã hội và ảnh hưởng của nó trong hoạt động thực tiễn của đời sống xã hội. | Thuyết trình, hỏi- đáp, Làm việc nhóm, Dạy học bằng tình | Tự luận, bài tập lớn |

| | | | |
|-------------|--|--|----------------------|
| | | huống | |
| CLO3 | Đánh giá được vai trò của các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình hình thành và phát triển nhân cách. | Thuyết trình, hỏi- đáp, Làm việc nhóm, Dạy học bằng tình huống | Tự luận, bài tập lớn |
| CLO4 | Có ý thức áp dụng những tri thức tâm lý trong hoạt động thực tiễn nghề nghiệp tương lai. | Thuyết trình, hỏi- đáp, Làm việc nhóm, Dạy học bằng tình huống | Tự luận, bài tập lớn |

4. Nội dung học phần và lịch trình giảng dạy

| TT | Tuần | Nội dung | Số tiết | | | | | Tự học | CĐR học phần |
|----|------|--|-----------|------------|-----------|-----|-------------------------|--------|--------------|
| | | | Lý thuyết | | Thực hành | | | | |
| | | | Trực tiếp | Trực tuyến | PLT | PTH | Thực địa/ trực tuyến | | |
| 1 | 1 | Chương 1. Nhập môn Tâm lý học xã hội 1.1. Một số vấn đề cơ bản của Tâm lý học 1.2. Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của Tâm lý học xã hội. 1.3. Ý nghĩa của Tâm lý học xã hội trong đời | 2,5 | 0 | 2,5 | 0 | 0 | 5 | 1, 4 |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|-----|-----|-----|---|-----|-----|---------|
| | | sống | | | | | | | |
| 2 | 2 | Chương 2. Cơ chế và quy luật hình thành, phát triển các hiện tượng tâm lý xã hội 2.1. Cơ chế hình thành và phát triển các hiện tượng tâm lý xã hội | 2,5 | 0 | 2,5 | 0 | 0 | 2,5 | 1, 2, 4 |
| 3 | 3 | Chương 2. Cơ chế và quy luật hình thành và phát triển các hiện tượng tâm lý xã hội (tiếp) 2.2. Quy luật hình thành và phát triển các hiện tượng tâm lý xã hội | 0 | 2,5 | 0 | 0 | 2,5 | 2,5 | 1, 2, 4 |
| 4 | 4 | Chương 3. Giao tiếp xã hội 3.1. Khái niệm giao tiếp xã hội 3.2. Chức năng của giao tiếp xã hội 3.3. Các hình thức giao tiếp xã hội 3.4. Ấn tượng ban đầu và quy gán xã hội | 0 | 2.5 | 0 | 0 | 2.5 | 2.5 | 2, 4 |
| 5 | 5 | Chương 4. Ảnh hưởng xã hội, định kiến xã hội và hành | 2.5 | 0 | 2.5 | 0 | 0 | 2,5 | 2, 4 |

| | | | | | | | | | |
|-------------|---|--|-----------|----------|-------------|----------|----------|-------------|------|
| | | vi xâm kích 4.1. Ảnh hưởng xã hội 4.2. Định kiến xã hội 4.3. Hành vi xâm kích | | | | | | | |
| 6 | 6 | Chương 4. Ảnh hưởng xã hội, định kiến xã hội và hành vi xâm kích (tiếp) | 0 | 0 | 5 | 0 | 0 | 2,5 | 2, 4 |
| 7 | 7 | Chương 5. Nhân cách trong Tâm lý học xã hội 5.1. Khái quát về nhân cách 5.2. Sự xã hội hoá cá nhân 5.3. Quan hệ xã hội và quan hệ liên nhân cách | 2,5 | 0 | 2,5 | 0 | 0 | 2,5 | 3, 4 |
| 8 | 8 | Chương 5. Nhân cách trong Tâm lý học xã hội (tiếp) Tổng kết | 0 | 0 | 2,5 | 0 | 0 | 2,5 | 3, 4 |
| Tổng | | | 10 | 5 | 17,5 | 0 | 5 | 22,5 | |

5. Ma trận liên kết giữa nội dung chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

| CLOs | PLOs | | | | | | | | | | | | | | |
|---------------------|-------------|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|------|------|------|------|------|------|
| | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) |
| CLO1 | | 5 | | | | | | 4 | | | | | 3 | | |
| CLO2 | | 5 | | | | | | 4 | | | | | 3 | | |
| CLO3 | | 5 | | | | | | 4 | | | | | 3 | | |
| CLO4 | | 5 | | | | | | 4 | | | | | 3 | | |
| CLO5 | | 5 | | | | | | 4 | | | | | 3 | | |
| Tổng hợp học | 0 | 5 | | | | | | 4 | | | | | 3 | | |

[illegible]

6. Phương pháp dạy

Ma trận giữa phương pháp dạy với chuẩn đầu ra của học phần

| Phương pháp dạy | CLOs | | | |
|-------------------------|------|-----|-----|-----|
| | (1) | (2) | (3) | (4) |
| Thuyết trình | X | X | | X |
| Hỏi- đáp | X | X | X | X |
| Làm việc nhóm | X | X | X | X |
| Dạy học bằng tình huống | X | X | X | X |
| Hướng dẫn tự học | X | X | X | X |
| Bài tập thực hành | X | X | X | X |

7. Phương pháp học

Ma trận giữa phương pháp học với chuẩn đầu ra của học phần

| Phương pháp học | CLOs | | | |
|------------------------|------|-----|-----|-----|
| | (1) | (2) | (3) | (4) |
| Nghiên cứu tài liệu | X | X | X | X |
| Nghe giảng và ghi chép | X | X | | |
| Tự học | X | X | X | X |
| Lập sơ đồ tư duy | X | X | X | |
| Làm việc nhóm | X | X | X | X |
| Giải quyết tình huống | X | X | X | X |

8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

- Quy định về kiểm tra, đánh giá/ thi kết thúc học phần:

| T T | Tên học phần | Trực tiếp | | | | | | | Trực tuyến (tối đa 30%) | | | | | | | | |
|--------|-------------------|-----------|-------------|-----------------------|-------------------------------|---------|-----------|-------------|-------------------------|---------|-------------|-----------------------|-------------------------------|---------|-----------|-------------|----------|
| | | Tự luận | Trắc nghiệm | Tự luận + Trắc nghiệm | Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp | Vấn đáp | Tiểu luận | Bài tập lớn | Tác phẩm | Tự luận | Trắc nghiệm | Tự luận + Trắc nghiệm | Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp | Vấn đáp | Tiểu luận | Bài tập lớn | Tác phẩm |
| 1 | Tâm lý học xã hội | X | | | | | | X | | X | | | | | | X | |

- Quy định về trọng số điểm; về hình thức thi/kiểm tra, đánh giá,....

| Thành phần đánh giá | Phương pháp kiểm tra, đánh giá | Trọng số | CLOs |
|--------------------------------|---|----------|---------|
| Đánh giá quá trình, giờ tự học | Điểm danh chuyên cần, kiểm tra bài tập về nhà, quan sát các hoạt động học tập của sinh viên, kết quả tự học | 20% | 1,2,3,4 |
| Đánh giá giữa kỳ | Bài tự luận cá nhân, bài tập nhóm | 30% | 2,3,4 |
| Đánh giá cuối kỳ | Bài tập lớn | 50% | 1,2,3,4 |

9. Nhiệm vụ của sinh viên

Tuân thủ theo đúng các quy định trong Quy chế đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền. Điểm đánh giá ý thức học tập, điểm kiểm tra giữa kỳ đạt dưới 4 điểm sẽ không được phép tham dự thi/kiểm tra hết môn học.

- Giờ lý thuyết: Tham dự đầy đủ các buổi học và chủ động tích cực trong giờ học, nghỉ học quá 25% thời lượng các tiết học lý thuyết sẽ không được phép tham dự thi/kiểm tra hết môn học.



10. Học liệu

10.1. Học liệu bắt buộc

1. Tâm lý học xã hội (2016), Khoa Giáo dục đại cương và Nghiệp vụ sư phạm, Học viện Báo chí và Tuyên truyền.
2. Nguyễn Xuân Thúc (2007), *Tâm lý học đại cương*, NXB Đại học Sư phạm.

10.2. Học liệu tham khảo

1. Lê Văn Hào (2010), *Tâm lý học xã hội*, Nxb Từ điển Bách khoa.
2. Trần Quốc Thành (2014), *Tâm lý học xã hội*, Nxb Đại học Sư phạm.
3. Phạm Văn Tư (2014), *Tâm lý học xã hội*, Nxb Đại học Sư phạm.


GIÁM ĐỐC

PGS, TS Phạm Minh Sơn

TRƯỞNG KHOA

TS Trần Thị Thu Hiền

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS Lý Thị Minh Hằng